

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 03 /2016/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 29 tháng 7 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích, nộp ngân sách Nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch;*

*Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích, nộp ngân sách Nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích, nộp ngân sách Nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, như sau:

**1.** Sửa đổi Khoản 7, Mục II, Phụ lục số 01 Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh: “Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực” thành “Lệ phí chứng thực” và bổ sung các nội dung cụ thể:

a) Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân có yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản.

b) Mức thu:

- Chứng thực bản sao từ bản chính: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 03 trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.

- Chứng thực chữ ký: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Chứng thực hợp đồng, giao dịch: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

+ Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch: 20.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

+ Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực: 10.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

**2.** Sửa đổi Điều a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và bổ sung các nội dung cụ thể:

- Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Khai sinh: 8.000 đồng.

+ Khai tử: 8.000 đồng.

+ Kết hôn: 30.000 đồng.

+ Nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng.

- + Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 3.000 đồng/bản sao.
- + Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch: 15.000 đồng.
- + Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng.
- + Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: 8.000 đồng.
- + Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 8.000 đồng.
- Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:
  - + Khai sinh: 75.000 đồng.
  - + Khai tử: 75.000 đồng.
  - + Kết hôn: 1.500.000 đồng.
  - + Giám hộ: 75.000 đồng
  - + Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng.
  - + Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 8.000 đồng/bản sao.
  - + Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc: 28.000 đồng.
  - + Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 75.000 đồng.
  - + Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng.

*Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:*

Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

**3.** Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và 7, Phần II, Phụ lục số 02 Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Cơ quan thu lệ phí hộ tịch có yếu tố nước ngoài được trích để lại đơn vị 80% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc; còn lại 20% nộp vào ngân sách Nhà nước.

b) Cơ quan thu lệ phí chứng thực nộp 100% (một trăm phần trăm) tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Các khoản chi phí liên quan đến việc chứng thực được ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

c) Cơ quan thu lệ phí cấp trích lục hộ tịch trong nước được trích để lại 50% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, còn lại 50% nộp vào ngân sách Nhà nước.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Những nội dung khác không nêu tại Nghị quyết này, thực hiện theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 13.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2016. / *Đave*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- UBTVQH (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban TT. UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học (đăng Công báo);
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: (LH).

**CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Ái Nam**